

VIỆT NAM: 80 NĂM (1945 - 2025) - TỪ KỶ NGUYÊN ĐỘC LẬP ĐẾN KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH CỦA DÂN TỘC

PGS.TS. VŨ TRỌNG LÂM*

Tóm tắt: 80 năm qua (1945 - 2025) là một tiến trình chuyển mình mạnh mẽ của dân tộc Việt Nam từ một quốc gia vừa giành được độc lập sang là một quốc gia vươn lên kiến thiết tương lai. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong xây dựng và phát triển đất nước trong những năm qua đã tạo ra thế và lực để Việt Nam tự tin bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, kỷ nguyên phát triển, giàu mạnh, thịnh vượng dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Từ khóa: Việt Nam; kỷ nguyên độc lập; kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Ngày nhận: 20/6/2025

Ngày phản biện: 30/6/2025

Ngày duyệt đăng: 08/7/2025

Ngày 02/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã đánh dấu bước ngoặt lịch sử: Sau hơn 80 năm bị thực dân đô hộ, dân tộc Việt Nam chính thức bước vào kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc - kỷ nguyên độc lập, tự do, nhân dân làm chủ đất nước. Sự kiện này không chỉ kết thúc một chuỗi dài đêm trường nô lệ, mà còn mở ra cánh cửa cho một hành trình kiến tạo đầy gian khó nhưng vô cùng kiêu hãnh của dân tộc Việt Nam anh hùng.

80 năm sau, năm 2025, đất nước Việt Nam bước đến thềm của một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, kỷ nguyên

phát triển, giàu mạnh, thịnh vượng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong 80 năm độc lập, có 30 năm kháng chiến chống thực dân, đế quốc xâm lược, thống nhất đất nước (1945 - 1975), 10 năm cả nước khắc phục hậu quả chiến tranh, chiến đấu bảo vệ biên giới Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội, tìm con đường đổi mới (1975 - 1985), gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới (từ năm 1986), đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Hình ảnh Việt Nam hôm nay không còn là một dân tộc “mờ nhạt” trên bản đồ thế giới, chưa được thừa nhận về mặt ngoại giao, mà là một dân tộc đang

* Giám đốc - Tổng Biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

hiện thực hóa khát vọng phát triển, tự tin đồng hành cùng thời đại, đóng góp tích cực vào hòa bình, ổn định, phát triển của khu vực và thế giới.

80 năm qua là một tiến trình chuyển mình mạnh mẽ của dân tộc Việt Nam, từ một quốc gia vừa giành được độc lập sang một quốc gia vươn lên kiến thiết tương lai với rất nhiều điểm nổi bật.

1. Kinh tế quốc dân: Từ đói nghèo đến phát triển năng động

Năm 1945, sau khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, đất nước ta phải đối mặt một nền kinh tế kiệt quệ, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) chỉ đạt vài chục triệu USD. Đặc trưng của nền kinh tế Việt Nam thời kỳ này là nền kinh tế nông thôn, quy mô kinh tế rất nhỏ, tiềm lực yếu kém. GDP bình quân đầu người năm 1945 chỉ khoảng 60 đồng, tương đương 35 USD¹, mức sống của đại bộ phận nhân dân bị đẩy xuống ngưỡng sinh tồn. Hệ thống sản xuất bị tàn phá nặng nề bởi chiến tranh, nông nghiệp lạc hậu, thóc lúa không đủ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước, gây ra nạn đói chưa từng có trong lịch sử với hơn 2 triệu người chết đói trong năm độc lập đầu tiên. Công nghiệp hầu như không tồn tại, mạng lưới thương mại và tài chính chưa hình thành, kho bạc trống rỗng. Nước Việt Nam mới giành độc lập đã phải đối diện với một xuất phát điểm vô cùng khó khăn.

Sau gần 80 năm đấu tranh gìn giữ nền độc lập, kiến thiết và đổi mới đất nước, đến năm 2024, Việt Nam đã đạt được những thành tựu kinh tế ấn tượng, với tổng GDP đạt 476,3 tỷ USD,

đưa quy mô nền kinh tế vươn lên vị trí thứ 4 trong khu vực Đông Nam Á và đứng thứ 34 trên thế giới², GDP bình quân đầu người đạt 4.700 USD, gấp hơn 130 lần so với năm 1945. Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2024 đạt 786 tỷ USD, giúp Việt Nam duy trì vị trí trong nhóm 20 nền kinh tế hàng đầu thế giới về thương mại và thu hút đầu tư nước ngoài³. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) gần như bằng không trước năm 1991, đến năm 2024 đã đạt tổng vốn đăng ký gần 502,8 tỷ USD, vốn thực hiện gần 322,5 tỷ USD⁴.

Thị trường chứng khoán hình thành từ năm 2000 cũng ghi nhận bước phát triển mạnh mẽ. Tính đến ngày 21/7/2025, vốn hóa cổ phiếu đạt 328,5 tỷ USD với hơn 10 triệu tài khoản giao dịch, chiếm khoảng 10% dân số⁵.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, du lịch, dịch vụ phát triển nhanh; công nghiệp hỗ trợ được đẩy mạnh; nông nghiệp có bước chuyển biến mạnh; đồng thời, chú trọng phát triển kinh tế tri thức, kinh tế xanh, kinh tế số.

Việt Nam đang chuyển đổi mạnh mẽ sang nền kinh tế số, công nghiệp công nghệ cao và các mô hình sản xuất dựa trên đổi mới sáng tạo, không chỉ sự gia tăng về lượng mà còn thay đổi sâu sắc cả về chất trong năng lực kinh tế của quốc gia.

Hội nhập kinh tế quốc tế được triển khai một cách chủ động và tích cực. Đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ thương mại

với hơn 230 quốc gia và vùng lãnh thổ, ký kết 17 hiệp định thương mại tự do (FTA) với hơn 60 nền kinh tế hàng đầu thế giới, mở ra nhiều cơ hội xuất khẩu, thu hút FDI, tiếp cận công nghệ tiên tiến, đồng thời, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Có thể thấy, từ nền sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ, tự cung, tự cấp, Việt Nam đã vươn lên trở thành một nền kinh tế năng động trong khu vực và thế giới, với mức tăng trưởng cao, hội nhập mạnh mẽ, được đánh giá có nhiều tiềm năng và cơ hội bứt phá, nhất là trong bối cảnh Việt Nam đang thúc đẩy chuyển đổi số, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

2. Giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ: Từ “mù chữ” đến phát triển toàn diện và đổi mới sáng tạo

Năm 1945, hơn 90% dân số Việt Nam mù chữ, giáo dục tiểu học và trung học còn xa rời thực tiễn, giáo dục đại học chủ yếu đào tạo đội ngũ cán bộ thừa hành bản xứ phục vụ cho bộ máy cai trị của thực dân Pháp. Đến năm 2025, đại bộ phận người dân trưởng thành đều biết chữ; Việt Nam đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và mầm non cho trẻ 5 tuổi. Tỷ lệ học sinh đến trường ở các cấp học cơ bản đạt gần 99%, mạng lưới đại học phát triển với hơn 300 trường, trong đó nhiều cơ sở đào tạo về công nghệ thông tin, kỹ thuật số và y sinh học được quốc tế công nhận. Giáo dục chuyển dịch từ mục tiêu phổ cập sang định hướng đổi mới, với việc tích hợp STEM, kỹ năng số và tư duy sáng tạo trở thành các nền tảng chiến lược. Điều này có nghĩa là không chỉ tập trung vào việc bảo đảm mọi người có cơ hội tiếp cận giáo dục,

mà còn hướng đến trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng và phẩm chất cần thiết đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, đặc biệt là trong bối cảnh chuyển đổi số.

Khoa học - công nghệ đang chuyển mình mạnh mẽ, trở thành động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất, kinh doanh được tập trung thúc đẩy; nhiều lĩnh vực như: công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, internet vạn vật và chuỗi khối (blockchain) được đầu tư và phát triển. Doanh nghiệp Việt Nam bước đầu làm chủ một số công nghệ cao, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Cả nước có 5 khu công nghệ cao, 6 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, 6 khu công nghệ thông tin tập trung, tạo thành mạng lưới hạ tầng khoa học - công nghệ ngày càng hoàn thiện. Số lượng bài báo khoa học của Việt Nam được công bố trên các tạp chí khoa học và công nghệ quốc tế uy tín liên tục tăng; ngày càng có nhiều nhà khoa học Việt Nam nằm trong tốp những nhà khoa học có ảnh hưởng nhất thế giới. Số lượng đơn đăng ký sáng chế của người Việt Nam gia tăng liên tục với tốc độ khoảng 9,8%/năm⁶.

Việt Nam hiện nằm trong nhóm các quốc gia thu nhập trung bình có chỉ số đổi mới sáng tạo (GII) ở mức cao, xếp thứ 44 toàn cầu năm 2024 và duy trì kết quả vượt trội 13 năm liên tiếp. Hệ sinh thái khởi nghiệp tăng từ vị trí thứ 5 lên vị trí thứ 3 trong 6 nền kinh tế hàng đầu Đông Nam Á. Các mô hình kinh doanh số, tài chính số, chuỗi khối, kinh doanh xanh và dữ liệu lớn được đẩy mạnh áp dụng, góp phần

nâng cao hiệu quả hoạt động, cải thiện trải nghiệm khách hàng và gia tăng năng lực cạnh tranh quốc tế. Nổi bật là công nghệ tài chính (Fintech), trò chơi điện tử, trí tuệ nhân tạo trong học tập và các sản phẩm xanh...⁷.

Việt Nam đã đẩy mạnh 3 trụ cột: Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tỷ trọng kinh tế số trong GDP đạt 18,3% năm 2024, xếp thứ 41 toàn cầu và dự kiến đạt 20% vào năm 2025. Một số tập đoàn công nghệ lớn trong nước như FPT, Viettel, Vingroup hiện đang dẫn đầu các lĩnh vực công nghệ cao như trí tuệ nhân tạo, viễn thông, sản xuất ô tô điện và y tế thông minh. Thị trường trí tuệ nhân tạo của Việt Nam đạt quy mô khoảng 750 triệu USD, duy trì tốc độ tăng trưởng 15%/năm trong ba năm gần nhất⁸, cho thấy tiềm năng phát triển công nghiệp trí thức.

Phân tích dữ liệu nhân lực cho thấy, lực lượng lao động có trình độ chuyên môn cao tại Việt Nam hiện chiếm hơn 28% tổng số lao động⁹, một trong những chỉ số cao nhất trong nhóm nước thu nhập trung bình thấp. Kết quả này không chỉ nhờ sự đầu tư ngân sách, mà còn bắt nguồn từ quá trình xã hội hóa giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, kết hợp giữa chính sách quốc gia và nhu cầu thị trường trí thức toàn cầu.

3. Y tế, an sinh và phúc lợi xã hội: Từ khan hiếm sang bảo đảm toàn dân

Khi giành được độc lập năm 1945, Việt Nam gần như không có hệ thống y tế công cộng quy chuẩn. Người dân chủ yếu dựa vào các phương thức chữa trị truyền thống, thiếu tiếp cận với

dịch vụ y tế cơ bản. Tuổi thọ trung bình của người dân năm 1945 chỉ đạt khoảng 38 tuổi, trong khi tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh và các bệnh truyền nhiễm vượt ngưỡng 100/1.000 ca sinh sống¹⁰. Năm 1945, dịch tả diễn ra ở nhiều nơi, làm hàng vạn người chết. Nạn đói, rét đã sản sinh ra vô số bệnh tật mà y học đương thời chưa kịp đặt tên. Trên mọi nẻo đường đất nước, nhất là ở nông thôn và các thị trấn nhỏ, hình ảnh thường thấy là cảnh người dân tiều tụy, rách rưới đầy rẫy bệnh tật¹¹.

Từ cuối thập niên 1950, các trạm y tế xã, đội tiêm chủng và chiến dịch phòng, chống dịch bệnh bắt đầu được hình thành tại miền Bắc. Sau năm 1975, mô hình y tế quốc gia được triển khai toàn diện trên phạm vi cả nước. Đến năm 2024, tuổi thọ trung bình của người Việt Nam đạt 74,7 tuổi¹². Hệ thống bệnh viện công hiện đại hóa theo hướng liên thông từ tuyến cơ sở đến tuyến Trung ương, đồng thời triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử tại hơn 80% địa phương, nhiều bệnh viện lớn như Bạch Mai, Chợ Rẫy, Trung ương Huế,... đã ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong chẩn đoán và hỗ trợ điều trị bệnh cho người dân.

Bảo hiểm y tế được phổ cập rộng rãi với tỷ lệ bao phủ toàn dân dự kiến đạt 95% vào năm 2025¹³, một bước tiến vượt bậc so với con số chưa đến 5% trước thập niên 1990. Trong 3 năm 2021 - 2023, chi thường xuyên cho y tế chiếm 6,8% tổng chi thường xuyên của ngân sách nhà nước¹⁴, cho thấy mức độ ưu tiên chính sách ngày càng rõ rệt. Cùng với đó, tỷ lệ nghèo đa chiều giảm từ mức hơn 70% vào cuối những năm 1980 xuống dưới 5% năm 2024¹⁵, phản ánh hiệu quả của các

chương trình an sinh xã hội có trọng điểm: xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ các hộ gia đình yếu thế và thực hiện chính sách ưu tiên đối với khu vực vùng sâu, vùng xa. Việt Nam đã vượt khỏi mô hình y tế bao cấp sơ khai, tiến tới hệ thống chăm sóc sức khỏe cộng đồng thông minh, tích hợp công nghệ, hành chính hiện đại và quản trị rủi ro xã hội. Việc xác định con người là trung tâm của chiến lược phát triển quốc gia được thể hiện rõ qua chính sách y tế, an sinh và phúc lợi xã hội toàn diện, minh bạch, có khả năng chống chịu trước biến động toàn cầu như đại dịch Covid-19 hay các thách thức an ninh sinh học.

4. Văn hóa và sáng tạo quốc gia: Từ di sản của thực dân đến sức mạnh mềm văn hóa thời kỳ hội nhập

Khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời năm 1945, nền văn hóa dân tộc chứa đựng tàn tích của gần một thế kỷ bị thực dân nô dịch. Văn hóa bị bóp nghẹt do chính sách ngu dân của thực dân, phong kiến; nghệ thuật truyền thống bị coi nhẹ; các hủ tục mê tín, dị đoan len lỏi khắp đời sống xã hội; một bộ phận tầng lớp trí thức bị chi phối bởi văn hóa ngoại lai...

Sau 80 năm, đến nay, Việt Nam đã từng bước xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và hỗ trợ nhau cùng phát triển; văn hóa được xác định là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu và động lực của sự phát triển; góp phần tạo thế và lực mới, tăng cường sức mạnh tổng hợp

quốc gia, nâng cao uy tín quốc tế, tạo tiền đề quan trọng cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bước sang thế kỷ XXI, đặc biệt từ sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Việt Nam định hướng phát triển công nghiệp văn hóa như một ngành kinh tế mũi nhọn. Các lĩnh vực như điện ảnh, âm nhạc đương đại, xuất bản, mỹ thuật, thiết kế thời trang... không chỉ gia tăng giá trị sản xuất nội địa, mà còn mở rộng xuất khẩu dưới dạng dịch vụ văn hóa ra thế giới. Năm 2024, Việt Nam đón gần 18 triệu lượt khách quốc tế, trong đó phần lớn lựa chọn trải nghiệm du lịch gắn với di sản văn hóa - lịch sử và đời sống bản địa¹⁶.

Giá trị xuất khẩu dịch vụ văn hóa của Việt Nam, bao gồm điện ảnh và âm nhạc, tăng trung bình 12%/năm trong giai đoạn 2020 - 2025. Đặc biệt, với 16 di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại được UNESCO ghi danh, Việt Nam đã khẳng định năng lực bảo tồn và quảng bá văn hóa vượt khỏi biên giới quốc gia. Các lĩnh vực như điện ảnh, âm nhạc, du lịch văn hóa, cùng hệ thống di sản văn hóa phi vật thể được bảo tồn và quảng bá trên nhiều kênh đa dạng, qua đó nâng cao sức mạnh mềm quốc gia. Việc giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống được thực hiện song song với việc xây dựng và phát triển công nghiệp văn hóa hướng tới thị trường toàn cầu. Quá trình hiện đại hóa không làm lu mờ bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc, mà tạo điều kiện để văn hóa truyền thống được kế thừa bằng các phương tiện truyền thông hiện đại.

Văn hóa không chỉ là nền tảng tinh thần mà đã trở thành một thành tố chiến lược, đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, góp phần trực tiếp vào tăng trưởng GDP và xuất khẩu sản phẩm hóa. Sức mạnh mềm quốc gia được xây dựng trên sự kết nối hài hòa giữa bản sắc dân tộc và công nghệ toàn cầu, tạo vị thế vững chắc cho Việt Nam trong mạng lưới các quốc gia có ảnh hưởng văn hóa trong khu vực.

5. Quốc phòng và an ninh, ngoại giao: *Từ thế bị bao vây, cô lập đến tích cực, chủ động bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa và hội nhập quốc tế sâu rộng*

Năm 1945, lực lượng vũ trang nhân dân, bao gồm Quân đội và Công an đều còn rất non trẻ, thiếu vũ khí, thiếu kinh nghiệm chiến đấu, tổ chức chưa hoàn chỉnh, phải đối mặt với rất nhiều khó khăn về lực lượng và cơ sở vật chất.

Sau 80 năm xây dựng và trưởng thành, quốc phòng, an ninh Việt Nam đã có bước chuyển mình mạnh mẽ, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững mạnh, bao gồm cả trên biển, trên không và trên không gian mạng; giữ thế tích cực, chủ động bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa nguy; kết hợp chặt chẽ xây dựng với bảo vệ, lấy xây dựng để bảo vệ; tích cực, chủ động xây dựng, chuẩn bị đất nước vững mạnh về mọi mặt ngay từ trong thời bình để tạo sức mạnh răn đe, ngăn chặn mọi ý đồ, hành động xâm lược và âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Quân đội nhân dân, Công an nhân dân được xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy,

tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại. Đến năm 2025, cơ bản xây dựng Quân đội, Công an tinh, gọn, mạnh, tạo tiền đề vững chắc, phấn đấu đến năm 2030 xây dựng Quân đội, Công an cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Đồng thời, ngày càng phát huy hiệu quả việc gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Về ngoại giao, trong giai đoạn đầu sau khi thành lập nước, Việt Nam chưa được quốc tế chính thức công nhận rộng rãi và phải đối mặt với sự bao vây, cô lập chính trị trong suốt thời kỳ chiến tranh. Sau 80 năm, ngoại giao Việt Nam đã khẳng định vai trò tiên phong trong bảo vệ hòa bình, thúc đẩy hợp tác và nâng cao vị thế quốc gia. Đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 194 quốc gia, có 37 đối tác chiến lược và chiến lược toàn diện, là thành viên của hơn 70 tổ chức quốc tế. Việt Nam đảm nhiệm thành công vai trò Chủ tịch ASEAN, Chủ tịch Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc, qua đó khẳng định vị thế của một quốc gia có trách nhiệm toàn cầu. Việt Nam tích cực tham gia vào các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, gìn giữ hòa bình, hợp tác phát triển, an ninh khu vực. Năng lực ngoại giao của Việt Nam được thể hiện rõ qua vai trò trung gian trong một số đối thoại về an ninh biển, xung đột thương mại và chống khủng bố

xuyên quốc gia, đóng góp tiếng nói chính sách có trọng lượng trong các thể chế toàn cầu; khẳng định hình ảnh của Việt Nam là một quốc gia độc lập, kiên định về nguyên tắc, nhưng mềm dẻo về chiến lược, đạt được sự cân bằng giữa bảo vệ chủ quyền và hội nhập quốc tế.

6. Việt Nam - một mô hình phát triển quốc gia bền vững và tự cường

Sự phát triển của Việt Nam trong giai đoạn 1945 - 2025 là một tiến trình đặc biệt, không tuyến tính, không dựa vào mô hình sao chép, mà phản ánh một quá trình liên tục tích hợp giữa lịch sử và đổi mới, giữa phát triển, bản sắc và hiện đại hóa. Nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng vượt bậc, mức sống của nhân dân ngày càng được nâng cao, tỷ lệ nghèo đa chiều giảm mạnh; các hệ thống xã hội như giáo dục, y tế, an sinh được phổ cập và hiện đại hóa đồng bộ theo hướng ngày càng hiện đại và nhân văn.

Sau 80 năm, Việt Nam không chỉ là một đất nước đang phát triển, mà là một quốc gia đang chuyển mình vươn lên mạnh mẽ với nền kinh tế độc lập, tự chủ, có khả năng cạnh tranh về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; có bản lĩnh về văn hóa, tư tưởng; có vị thế về chính trị và uy tín quốc tế... Trong bối cảnh thế giới đầy biến động, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng trong việc duy trì ổn định chính trị, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân và vị thế quốc gia trên trường quốc tế, định hình bản sắc phát triển riêng có của Việt Nam. Đó chính là thành tựu sâu sắc nhất của hành trình “từ

kỷ nguyên độc lập đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”. ♦

1. Nguyễn Thị Hương: “Những dấu ấn quan trọng về kinh tế - xã hội trong hành trình 75 năm thành lập và phát triển đất nước qua số liệu thống kê”, Tạp chí Kinh tế và Dự báo số 25, 2020.
2. Thạch Lam: “Dự báo thời điểm Việt Nam lọt top 20 nền kinh tế lớn nhất thế giới”, Báo Lao động điện tử, ngày 03/5/2025, <https://laodong.vn/kinh-doanh/du-bao-thoi-diem-viet-nam-lot-top-20-nen-kinh-te-lon-nhat-the-gioi-1500629.lido>.
3. Xem Thế Hoàng: “Việt Nam trong top 20 nền kinh tế hàng đầu về thương mại”, Báo Đầu tư online, ngày 01/5/2025, <https://baodautu.vn/viet-nam-trong-top-20-nen-kinh-te-hang-dau-ve-thuong-mai-d275365.html>.
4. Minh Ngọc: “Năm 2024, vốn FDI giải ngân cao kỷ lục”, Báo điện tử Chính phủ, ngày 06/01/2025, <https://baochinhphu.vn/nam-2024-von-fdi-giai-ngan-cao-ky-luc-102250106101728669.htm>.
5. Anh Minh: “Thị trường chứng khoán Việt Nam trước ngưỡng cửa mới nổi: Cơ hội vàng hút dòng vốn toàn cầu”, Báo điện tử Chính phủ, ngày 30/7/2025, <https://baochinhphu.vn/thi-truong-chung-khoan-viet-nam-truoc-nguong-cua-moi-noi-co-hoi-vang-hut-dong-von-toan-cau-102250730175251723.htm>.
6. Xem Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật: *Hỏi - đáp về Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2025, tr. 33-36.
7. Xem Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật: *Hỏi - đáp về Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*, Sđd, tr. 37.
8. <https://www.imarcgroup.com/report/vi/vietnam-generative-ai-market?form=MG0AV3>.
9. <https://www.nso.gov.vn/bai-top/2025/04/mot-so-net-chinh-thi-truong-lao-dong-quy-i-nam-2025/?form=MG0AV3>.
10. <https://baophutho.vn/tuoi-tho-nguoi-vn-tang-gap-doi-sau-nua-the-ky-68086.htm?form=MG0AV3>.
11. Đặng Phong: “Kinh tế Việt Nam 1945 - 1954: Chủ trương và thành tựu”, <https://lichsu.tnus.edu.vn/chi-tiet/461-kinh-te-viet-nam-1945-1954-chu-truong-va-thanh-tuu?form=MG0AV3&form=MG0AV3>.
12. <https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/01/thong-cao-bao-chi-ket-qua-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-giua-ky-nam-2024/>.
13. Kim Thanh: “Phân đầu từ năm 2025, trên 95% dân số tham gia bảo hiểm y tế”, Báo điện tử VOV, ngày 02/02/2025, <https://vov.vn/xa-hoi/phan-dau-tu-nam-2025-tren-95-dan-so-tham-gia-bao-hiem-y-te-post1152075.vov>.
14. Minh Anh: “Ngân sách nhà nước luôn ưu tiên nguồn lực cho lĩnh vực y tế”, Thời báo Tài chính Việt Nam điện tử, ngày 08/11/2023, <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/ngan-sach-nha-nuoc-luon-uu-tien-nguon-luc-cho-linh-vuc-y-te-139090.html?form=MG0AV3>.
15. “Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025”, <https://www.molisa.gov.vn/baiviet/242829?form=MG0AV3>.
16. Phương Anh: “Khách quốc tế đến Việt Nam năm 2024 tăng 40%”, Báo VnExpress điện tử, ngày 06/01/2025, <https://vnexpress.net/khach-quoc-te-den-viet-nam-nam-2024-tang-40-4836039.html>.